

Số: 13/2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 487/BC-BKTNS ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.



Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2025, giai đoạn 2023 - 2025; Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 về phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp các quy định tại Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản của cơ quan trung ương thì thực hiện theo các quy định đó hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2025. /

Nơi nhận: *Ruor*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXL VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử);
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Hạnh





**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ nhà nước giao.
3. Các đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 3. Phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản tiền chậm nộp tương ứng
 - a) Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 59%.
 - b) Thu từ doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh
 - Doanh nghiệp do Thuế tỉnh quản lý thu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 59%.

- Doanh nghiệp do Thuế cơ sở quản lý thu có địa chỉ hoạt động (đăng ký kinh doanh ở cấp xã): Ngân sách cấp xã hưởng 59%.

Riêng thu từ các hộ gia đình, cá nhân (bao gồm thu tiền chậm nộp): Ngân sách cấp xã hưởng 59%.

2. Thuế thu nhập cá nhân (bao gồm thu tiền chậm nộp): Ngân sách cấp tỉnh hưởng 59%.

3. Thuế bảo vệ môi trường (bao gồm thu tiền chậm nộp), trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 59%.

4. Thu tiền sử dụng đất (bao gồm tiền chậm nộp)

a) Thu từ bán đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất không thông qua bán đấu giá quyền sử dụng đất các dự án: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%.

Đối với các xã, phường có dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất không thông qua bán đấu giá phát sinh trên địa bàn: ngân sách cấp tỉnh thực hiện hỗ trợ ngân sách cấp xã mức 20% trên tổng số thu từ dự án (sau khi đã điều tiết 20% về ngân sách Trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025) để đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn, nhưng không quá 50 tỷ đồng trên số thu của dự án.

b) Đối với khoản thu tiền sử dụng đất thuộc Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành (theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 53/2017/QH ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành): Ngân sách Trung ương hưởng 100%.

c) Trường hợp ghi thu, ghi chi: Ngân sách cấp nào thực hiện ngân sách cấp đó hưởng 100%.

d) Đối với tiền sử dụng đất nộp tương đương với giá trị quỹ đất 20% theo quy định tại khoản 4 Điều 78 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%.

đ) Thu từ chuyển mục đích sử dụng đất từ các dự án tái định cư do Ngân sách Trung ương đầu tư: Ngân sách Trung ương hưởng 100%.

e) Thu từ chuyển mục đích sử dụng đất từ các dự án tái định cư do Ngân sách tỉnh đầu tư: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%.

g) Thu từ chuyển mục đích sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân khác phát sinh trên địa bàn cấp xã: Ngân sách cấp xã hưởng 80%.

5. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước và tiền chậm nộp

a) Giấy phép do cơ quan Trung ương cấp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 30%.

b) Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

6. Khoản thu thuế tài nguyên và tiền chậm nộp (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí):

- Doanh nghiệp do Thuế tỉnh quản lý thu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.
- Doanh nghiệp do Thuế cơ sở quản lý thu có địa chỉ hoạt động (đăng ký kinh doanh ở cấp xã): Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

7. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

8. Thu tiền cho thuê đất và tiền chậm nộp

a) Thu từ các dự án do cấp tỉnh quản lý: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%.

b) Thu từ các dự án do cấp xã quản lý: Ngân sách cấp xã hưởng 80%.

Trường hợp ghi thu, ghi chi: Ngân sách cấp nào thực hiện ngân sách cấp đó hưởng 100%.

c) Thu tiền thuê đất thuộc Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành (theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 53/2017/QH ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội): Ngân sách Trung ương hưởng 100%.

9. Thu tiền thuê mặt nước

a) Cơ quan thuế quản lý thu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

b) Xã, phường quản lý thu: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

Riêng tiền chậm nộp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

10. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

11. Thu lệ phí trước bạ: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

12. Các loại phí, lệ phí (bao gồm tiền chậm nộp): do cơ quan cấp nào tổ chức thu thì cơ quan đó hưởng 100%.

13. Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

14. Các khoản thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

15. Thu khác ngân sách

a) Thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa; phạt, tịch thu khác: Cơ quan nhà nước thuộc cấp nào ban hành quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

b) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước: Cơ quan nhà nước cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

c) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: Cơ quan nhà nước cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

d) Các khoản thu còn lại: Cơ quan nhà nước cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100% (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng theo quy định).

16. Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

17. Các khoản thu sự nghiệp; thu kết dư; thu chuyển nguồn; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; thu huy động, đóng góp viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng): Ngân sách cấp nào thực hiện ngân sách cấp đó hưởng 100%.

18. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

19. Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết; thu từ quỹ dự trữ tài chính: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

20. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật: Ngân sách cấp nào thực hiện ngân sách cấp đó hưởng 100%.

Chương III

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 4. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ do địa phương quản lý, gồm:

- Chi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải đảm bảo trong khả năng cân đối ngân sách và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của địa phương.

- Chi thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quy hoạch.

- Chi đầu tư xây dựng các trường trung học phổ thông và các nhiệm vụ về đầu tư khác theo quy định về phân cấp, phân quyền.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.

c) Chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan địa phương thực hiện.

d) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo tại địa phương; cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

đ) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề

- Chi hoạt động các trường phổ thông trung học trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, Các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, Trường Trung học phổ thông năng khiếu thể dục thể thao, trường Dân tộc nội trú tỉnh, các trường đại học, cao đẳng; đào tạo huấn luyện vận động viên thể dục thể thao; trường chính trị và các hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo khác của tỉnh.

- Chi hỗ trợ các chính sách: Miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; chi các chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật và các chính sách hỗ trợ giáo dục khác theo quy định của pháp luật.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ: Các hoạt động nghiên cứu, thực hiện chương trình, đề tài khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đo lường chất lượng, phát triển công nghệ và các hoạt động khoa học công nghệ khác theo quy định.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, phân giao địa phương quản lý.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh của bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế, trạm y tế; công tác chăm sóc sức khỏe cán bộ; an toàn thực phẩm; chi dân số; chi hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định và các hoạt động y tế khác thuộc tỉnh quản lý.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Công tác bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật; hoạt động thông tin truyền thông, xuất bản báo chí; kinh phí trùng tu, tôn tạo và phát huy di tích, tổ chức lễ hội và sự kiện, hoạt động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện các hoạt động về gia đình và hoạt động văn hóa khác do tỉnh quản lý.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao: Bồi dưỡng, đào tạo huấn luyện vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao thuộc tỉnh và các hoạt động thể dục, thể thao khác thuộc tỉnh quản lý.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

i) Các hoạt động kinh tế

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo, các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông của các tuyến đường do tỉnh quản lý và các nhiệm vụ khác về hoạt động giao thông của tỉnh.

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn: Chỉ đảm bảo các nhiệm vụ về thủy lợi và phòng chống thiên tai của tỉnh; chỉ cho các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy sản; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; bảo vệ, phòng chống cháy rừng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng nông thôn mới và các hoạt động phát triển nông thôn khác do tỉnh quản lý.

- Lĩnh vực quy hoạch, xúc tiến đầu tư, thương mại du lịch: Thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án được phê duyệt, chương trình phát triển du lịch của tỉnh, các hoạt động xúc tiến thương mại; chỉ quy hoạch thực hiện nhiệm vụ chi đánh giá quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

- Các sự nghiệp kinh tế khác thuộc tỉnh quản lý.

k) Chi quản lý nhà nước, Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội: Các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; hỗ trợ hoạt động các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc tỉnh theo nhiệm vụ Nhà nước giao.

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật

- Chi thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội, công tác cứu tế xã hội, cứu đói, xóa đói giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội, chương trình quản lý cai nghiện và phòng chống mại dâm, thăm hỏi tặng quà các đối tượng chính sách xã hội nhân ngày lễ tết, chế độ chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người có công điều trị điều dưỡng và các hoạt động đảm bảo xã hội khác do tỉnh thực hiện.

- Chi ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến: Thực hiện theo phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã

- Các chính sách, chế độ do Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhưng chưa được bố trí hoặc bố trí chưa đủ trong dự toán

ngân sách cấp xã; mức hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở nhu cầu chi theo chế độ, chính sách và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

- Các nhiệm vụ chi do Trung ương quy định, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác do Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương; các nhiệm vụ chi do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chưa được dự toán trong định mức các lĩnh vực chi.

- Hỗ trợ kinh phí để thực hiện một số dự án về đầu tư phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc cấp xã quản lý tùy vào khả năng của ngân sách cấp tỉnh và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp xã.

- Các nhiệm vụ chi hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài các nhiệm vụ chi được phân cấp như trên, trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Trường hợp cơ quan quản lý cấp trên có quy định riêng thì thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định đó.

- Thực hiện theo các quy định đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo phân cấp, phân quyền.

- Trường hợp các nhiệm vụ chi tại Nghị quyết này khác so với các Nghị quyết quy định trước đó, thì áp dụng theo Nghị quyết này hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 5. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ do địa phương quản lý, gồm:

- Chi thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quy hoạch.

- Chi đầu tư xây dựng các trường từ cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các nhiệm vụ về đầu tư khác theo quy định về phân cấp, phân quyền.

- Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp nhỏ; doanh nghiệp vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ; ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo.

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề

- Chi hoạt động các trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở và một số trường có tính chất đặc thù như: Trường dân tộc nội trú thuộc cấp xã quản lý.

- Chi các chính sách về giáo dục như: miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách hỗ trợ nhà giáo không chuyên trách giảng dạy cho người khuyết tật, hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3 - 5 tuổi.

- Các hoạt động về lĩnh vực giáo dục và đào tạo khác theo quy định của pháp luật.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ: Ứng dụng, chuyển giao công nghệ; các hoạt động khoa học và công nghệ khác theo quy định của pháp luật.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, phần giao địa phương quản lý

- Chi thực hiện các nhiệm vụ của địa phương theo Luật Dân quân tự vệ; chi công tác tuyển quân; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh và các nhiệm vụ quân sự khác của cấp xã; chi tổ chức các cuộc hội thao, hội thi, diễn tập cấp xã; chi đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội và đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy, phòng chống cháy nổ thuộc nhiệm vụ cấp xã và các nhiệm vụ khác theo quy định.

- Nhiệm vụ chi theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 10 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn. Cụ thể như sau:

+ Quốc phòng: Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

+ An ninh: Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi công tác chăm sóc sức khỏe cán bộ, an toàn thực phẩm, chi dân số và các hoạt động y tế khác thuộc xã quản lý theo quy định, nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp xã theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 10 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Quản lý các cơ sở văn hóa, thể thao và giải trí, hoạt động trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, thư viện, công tác duy tu bảo dưỡng các thiết chế văn hóa; tổ chức lễ hội và sự kiện, hoạt động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và hoạt động văn hóa khác thuộc cấp xã quản lý.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao: Công tác bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức các giải thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao phong trào thuộc cấp xã quản lý.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

i) Các hoạt động kinh tế

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, sửa chữa đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo, các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp xã quản lý và các nhiệm vụ khác về hoạt động giao thông của cấp xã.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn: Chi các nhiệm vụ về thủy lợi, thủy sản và phòng chống thiên tai của cấp xã; chi cho các hoạt động nông nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến ngư; xây dựng nông thôn mới và các hoạt động phát triển nông nghiệp thôn khác do cấp xã quản lý.

- Sự nghiệp du lịch: Chi các nhiệm vụ về thúc đẩy ngành du lịch, dịch vụ.

- Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, giao thông nội thị, hệ thống cấp thoát nước, tiền điện thấp sáng trên đường phố, cây xanh và các hoạt động sự nghiệp thị chính khác do cấp xã quản lý.

- Nhiệm vụ chi theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 10 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do xã quản lý; hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế (như: khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm) theo chế độ quy định; các hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

- Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp xã quản lý.

k) Chi quản lý nhà nước, Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội

- Các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc cấp xã theo nhiệm vụ Nhà nước giao.

- Nhiệm vụ chi theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 10 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Giải quyết các thủ tục hành chính và cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân trên địa bàn.

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật

- Chi thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội, công tác cứu tế xã hội, cứu đói, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ trẻ em, phúc lợi xã hội, chúc thọ, mừng thọ, thăm hỏi ngày lễ tết các đối tượng chính sách; hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng theo quy định và các hoạt động đảm bảo xã hội khác do cấp xã thực hiện

- Nhiệm vụ chi theo quy định tại điểm m khoản 2 Điều 10 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: chi cho công tác xã hội do xã quản lý như: Trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (*không kể trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc 01 lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ ngày 01 tháng 01 năm 1998 trở về sau do bảo hiểm xã hội chi trả*); chi thăm hỏi các gia đình chính sách; trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác.

- Chi ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến: Thực hiện theo phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.

1
2
3
4